Tài liệu mô tả API kết nối API AI So Sánh dữ liệu trên DNTT/DNTTTU/DNTU

# 1. Thông tin chung

|  |  |
| --- | --- |
| Thuộc tính | Giá trị |
| Tên API | Gửi hồ sơ thanh toán và file OCR để xử lý |
| Method | POST |
| Endpoint | /api/v2/CoreAI/FileDataHandler/HandlerFile |
| Base URL | http://<domain>:<port> (ví dụ: http://192.168.2.64:5000) |
| Môi trường | IP và domain có thể thay đổi linh hoạt tùy hệ thống triển khai thực tế |

# 2. Header

Content-Type: application/json

# 3. Request Body

Ví dụ định dạng JSON gửi vào:

{  
 "UserId": "string",  
 "UserName": "string",  
 "BEMT2001Models": [  
 {  
 "RowNum": 1,  
 "TotalRow": 2,  
 "APK": "guid",  
 "APKMaster": "guid",  
 "APKMaster\_9000": "guid",  
 "DivisionID": "string",  
 "APKDInherited": "guid",  
 "InheritVoucherNo": "string",  
 "InheritType": "string",  
 "Description": "string",  
 "InvoiceNo": "string",  
 "InvoiceDate": "yyyy-MM-ddTHH:mm:ss",  
 "CurrencyID": "string",  
 "ExchangeRate": number,  
 "RequestAmount": number,  
 "ConvertedRequestAmount": number,  
 "SpendAmount": number,  
 "ConvertedSpendAmount": number,  
 "DebitAccountID": "string",  
 "ApproveLevel": number  
 }  
 ],  
 "FilePaths": [  
 "string"  
 ],  
 "BEMF2002Detail": {  
 "APK": "guid",  
 "AdvanceUserID": "string",  
 "AdvanceUserName": "string",  
 "ApplicantID": "string",  
 "ApplicantName": "string",  
 "CurrencyID": "string",  
 "ExchangeRate": number,  
 "VoucherDate": "yyyy-MM-ddTHH:mm:ss",  
 "VoucherNo": "string",  
 "DescriptionMaster": "string"  
 }  
}

# 4. Phản hồi (Response)

Dữ liệu trả về dạng JSON:

{  
 "success": true,  
 "message": "Dữ liệu đã được xử lý thành công",  
 }  
}

• Dữ liệu BEMT2001Models và BEMF2002Detail phải đúng định dạng JSON chuẩn.

# 5. Ví dụ URL thực tế

POST http://192.168.2.64:5000/api/v2/CoreAI/FileDataHandler/HandlerFile